

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2021/DS-PT

Ngày: 17 / 12 / 2021

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số A, khóm A, thị trấn A, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Võ Văn M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp A, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H là luật sư Phạm Hoàng Đức – Công ty Luật hợp doanh Anh Em Luật Sư – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992

Chỗ ở hiện nay: Số A, khu dân cư A, phường A, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Tấn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: A, A, khóm 4, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2020).

- Người kháng cáo là ông Lê Minh H là nguyên đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các biên bản lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày:*

Ông H là em ruột của bà Lê Hồng Thu tên ngoài Nguyễn Hồng Thu (chết vào ngày 22/11/2018). Bà Thu không có chồng con. Do đó, năm 2007 bà Thu có nhận bị đơn anh Nguyễn Thành T làm con nuôi, có tiến hành thủ tục nhận con nuôi theo quy định.

Khi bà Thu còn sống có gặp khó khăn về kinh tế, do chị em ruột nên ông H có vay tiền của ông Nguyễn Thành Hưng và ông Nguyễn Văn Út để cho lại bà Thu cất nhà và trị bệnh, việc cho không có làm giấy tờ vì cho tự nguyện, ông H không nghĩ đòi lại, cụ thể:

+ Ngày 27/09/2015 âm lịch ông H vay của ông Hưng số tiền 150.000.000đồng, để cho lại bà Thu cất nhà thờ ông bà. Ngày 19/03/2016 ông H đã trả xong khoản nợ này cho ông Hưng (trả lúc bà Thu còn sống).

+ Ngày 17/10/2015 âm lịch ông H vay của ông Nguyễn Văn Út số tiền 280.000.000đồng cũng để cho lại bà Thu cất nhà thờ cúng ông bà. Hiện số tiền này ông H cũng đã trả xong cho ông Út vào ngày 27/06/2016 âm lịch (trả lúc bà Thu còn sống).

+ Ngày 07/07/2018 ông H tiếp tục vay của ông Nguyễn Văn Út số tiền 110.000.000đồng để cho bà Thu trị bệnh. Sau khi bà Thu chết, ngày 09/05/2019 ông H làm lại biên nhận mới xác nhận ngày 07/07/2018 có vay của ông Út số tiền trên. Hiện số tiền này ông H chưa trả cho ông Út, nhưng ông Út và ông H không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

+ Ngoài ra, khi bà Thu bị bệnh, ông H có chi số tiền 44.000.000đồng để thuê 02 người là chị Trần Bích Liễu và chị Trần Bích Ngọc chăm sóc cho bà Thu trong thời gian 08 tháng từ ngày 12/05/2018 đến 12/12/2018, mỗi tháng từ 18 triệu đến khoảng 20 triệu đồng, tổng cộng là 154.000.000đồng (trong đó có tính luôn phần vay của ông Út là 110.000.000đồng và phần tiền ông H là 44.000.000đồng). Việc chi trả này không có làm giấy tờ.

Như vậy, tổng số tiền ông H vay của ông Hưng và ông Út là 540.000.000đồng và chi phí ông H thuê người chăm sóc cho bà Thu là 44.000.000đồng, tổng cộng các khoản là 584.000.000đồng để cho lại bà Thu cất nhà và trị bệnh.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án làm việc và tại phiên tòa, ông H đều xác định số tiền 584.000.000đồng này trước đây là ông H tự nguyện cho bà Thu, ông H không nghĩ sẽ đòi lại vì là chị em ruột với nhau, nhưng sau khi bà Thu chết, anh Nguyễn Thành T được thừa kế toàn bộ di sản của bà Thu đã bán hết tài sản được thừa kế, mà không thờ cúng ông bà nên ông H mới phát sinh tranh chấp đòi lại những khoản tiền mà trước đây ông H đã tự nguyện cho bà Thu lúc bà Thu còn sống.

Do đó, nay ông H yêu cầu anh T là người thừa kế duy nhất của bà Thu, phải thực hiện nghĩa vụ do bà Thu chết để lại, cụ thể: phải trả lại số tiền mà trước đây ông H đã tự nguyện cho bà Thu xây cất nhà và trị bệnh, tổng cộng là 584.000.000đồng, trong đó: phần cho cất nhà và trị bệnh là 540.000.000đồng và phần ông H chi trả 44.000.000đồng để thuê người chăm sóc cho bà Thu. Ông H không yêu cầu tính lãi.

Đối với di sản bà Thu chết để lại cho anh Nguyễn Thành T thừa kế, ông H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu gì khác.

** Tại các văn bản ý kiến, bản tự khai, biên bản lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thành T ủy quyền cho anh Trần Tấn T trình bày:*

Anh T thống nhất theo lời trình bày của ông H về việc bà Thu có nhận anh T làm con nuôi và tiến hành thủ tục nhận con nuôi theo quy định. Do bà Thu đã chết, không có để lại di chúc, bà Thu không có chồng con nên anh T là người thừa kế duy nhất của bà Thu.

Hiện di sản bà Thu để lại gồm căn nhà gắn liền thửa đất 167 tờ bản đồ 36 diện tích 94m², và thửa đất 75 diện tích 2.491,6m² (Lúa), tọa lạc tại xã Tân Quy Tây, anh T đã tiến hành thủ tục thừa kế và cũng đã chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Phi Long và ông Tuyên đứng tên quyền sử dụng đất xong.

Đối với việc ông H khởi kiện yêu cầu anh T trả lại các khoản tiền mà ông H vay của ông Hưng và ông Út để cho lại bà Thu cất nhà, trị bệnh tổng cộng 540.000.000đồng thì anh T không đồng ý, vì anh T không nghe bà Thu nói lại.

Đối với khoản tiền 44.000.000đồng ông H cho rằng đã chi trả chi phí điều trị bệnh cho bà Thu nên yêu cầu anh T trả lại là không đúng vì anh T là người lo chi phí điều trị cho bà Thu.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án làm việc, hòa giải thì ông H cũng xác định các khoản tiền trên là ông H tự nguyện cho luôn bà Thu lúc còn sống, nay ông H khởi kiện đòi anh T trả lại là anh T không đồng ý. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

** Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 09/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:*

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh H về việc yêu cầu người thừa kế của bà Nguyễn Hồng Thu là bị đơn anh Nguyễn Thành T phải trả lại số tiền 584.000.000 đồng mà ông Lê Minh H đã thừa nhận tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Hồng Thu lúc bà Thu còn sống.

[2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Lê Minh H do ông H là người cao tuổi.

[3]. Ông Lê Minh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.680.000 đồng theo biên lai thu số 0008532 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/4/2021, ông Lê Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của ông. Buộc ông Nguyễn Thành T trả lại cho ông số tiền là 584.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Ông Lê Minh H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Lê Minh H là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Lê Minh H là em ruột bà Nguyễn Hồng Thu (tên khác là Lê Hồng Thu). Bà Thu không có chồng và con ruột mà có duy nhất người con nuôi là anh Nguyễn Thành T, là bị đơn trong vụ án.

Ông H khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho ông tổng cộng 584.000.000 đồng trình bày, khi bà Thu còn sống thì ông đã có vay tiền của ông Hưng và ông Út tổng cộng 540.000.000 đồng và 44.000.000 đồng của ông sẵn có để cho bà Thu cất, sửa nhà thờ cúng ông bà và trị bệnh cho bà Thu. Cụ thể là:

+ Ngày 27/09/2015 âm lịch ông H vay của ông Hưng 150.000.000 đồng, để cho lại bà Thu cất nhà thờ ông bà.

+ Ngày 17/10/2015 âm lịch ông H vay của ông Út 280.000.000 đồng cũng để cho lại bà Thu cất nhà thờ cúng ông bà.

+ Ngày 07/07/2018 ông H vay của ông Út 110.000.000 đồng để cho bà Thu trị bệnh.

+ Ngoài ra, khi bà Thu bị bệnh, ông H có chi số tiền 44.000.000 đồng để thuê 02 người là chị Trần Bích Liễu và chị Trần Bích Ngọc chăm sóc cho bà Thu trong thời gian điều trị bệnh.

Và do sau khi bà Thu chết, không để lại di chúc thì anh T, là con nuôi và là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất duy nhất nên được hưởng toàn bộ di sản do bà Thu để lại, gồm căn nhà gắn liền thửa đất 167 tờ bản đồ 36 diện tích 94m² và thửa đất 75 diện tích 2.491,6m² (đất trồng lúa), tọa lạc tại xã Tân Quy Tây và sau đó anh T đã chuyển nhượng lại cho ông Long và ông Tuyên, nên ông H bức xúc và khởi kiện yêu cầu anh T phải trả lại các khoản tiền nói trên.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T không đồng ý theo yêu cầu trên của ông H.

Xét thấy, trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng đều xác định toàn bộ các khoản tiền trên (tổng cộng 584.000.000 đồng) thì trước đây là do ông H tự nguyện cho bà Thu; ông H không nghĩ sẽ đòi lại vì là chị em ruột với nhau. Như vậy, toàn bộ số tiền trên ông H đã tự nguyện tặng cho bà Thu và việc tặng cho là không có điều kiện; việc tặng cho cũng đã hoàn thành theo quy định tại Điều 457 Bộ luật Dân sự năm 2015; còn đối với việc ông H vay tiền của ông Hưng và ông Út cũng như việc anh T được hưởng toàn bộ di sản của bà Thu để lại và sau đó chuyển nhượng cho người khác thì là các giao dịch dân sự và quan hệ pháp luật khác, nên việc nay ông H đòi lại số tiền trên đối với người thừa kế của bà Thu là anh T, là không có căn cứ pháp luật.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Việc bà Thu có nhận tiền của ông H để điều trị bệnh và xây nhà là có thật, thời điểm này anh T và bà Thu không có điều kiện về kinh tế để xây nhà. Tại thời điểm tòa sơ thẩm lấy lời khai ông H có tự nguyện khai là tự nguyện tặng cho bà Thu là không đúng vì lúc đó ông H có bị bệnh về tai nên không nghe rõ chính xác. Do vậy yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc bị đơn là anh T phải trả lại cho ông H tổng số tiền là 584.000.000 đồng mà ông H yêu cầu. Xét lời đề nghị của luật sư là chưa có cơ sở nên không chấp nhận như nhận định nêu trên.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa

Đéc. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do ông H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 457, Điều 458, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh H về việc yêu cầu người thừa kế của bà Nguyễn Hồng Thu là bị đơn anh Nguyễn Thành T phải trả lại số tiền 584.000.000 đồng mà ông Lê Minh H đã thừa nhận tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Hồng Thu lúc bà Thu còn sống.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh H được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm do ông H là người cao tuổi. Ông H được nhận lại 13.680.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008532 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh H được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm do ông H là người cao tuổi.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy